

Phiên thứ sáu, ngày 02 tháng 10 năm 2020

VNINDEX:	909.91
Giá trị: 8,592.174 tỷ	-4.18(0.46%)
Khối ngoại(ròng):	-278.13 tỷ
HNX-INDEX:	134.91
Giá trị: 1,294.783 tỷ	1.41(1.06%)
Khối ngoại(ròng):	-15.53 tỷ
UPCOM-INDEX:	62.35
Giá trị: 774.707 tỷ	-0.07(-0.11%)
Khối ngoại(ròng):	-4.69 tỷ

Thông số vĩ mô:

	Giá trị	%
Giá dầu	37.5	-3.07
Giá vàng	1,906	0.01
Tỷ giá USD/VND	23,191	0.05
Tỷ giá EUR/VND	27,152	-0.23
Tỷ giá JPY/VND	22,044	0.38
LS liên ngân hàng 1 tháng	0.4	32.73
LS TPCP 5 năm	1.3	-7.19

(Nguồn: Bloomberg)

Top giao dịch khối ngoại (Tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	20.4	VNM	70.4
VIC	15.7	CTG	67.3
KDC	12.6	HPG	59.5
VCB	12.2	VRE	17.2
POW	5.2	PVD	16.8

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

VN-Index đã chứng kiến một tuần giao dịch khá giằng co. VN-Index kết thúc tuần tăng 0.18% đạt mức 909.91 điểm; HNX-Index đóng cửa tuần tăng 2.58% dừng tại 134.91 điểm. Khối lượng khớp lệnh trung bình trên sàn HOSE đạt gần 392 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 13.47% so với tuần giao dịch trước. Sàn HNX đạt trung bình hơn 60 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 6.78%. Thị trường mở cửa phiên đầu tuần với đà tăng tích cực. Trong phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index đã giảm điểm mạnh bất ngờ dù thị trường không xuất hiện thông tin xấu nào rõ ràng. Chỉ số lấy lại sắc xanh trong hai phiên kế tiếp. Đến phiên cuối tuần, VN-Index điều chỉnh mạnh trong đầu giờ giao dịch chiều, chỉ số đã có lúc sụt hơn 16 điểm. Nguyên nhân có khả năng là do thông tin tổng thống Mỹ Donald Trump dương tính với Covid-19 được công bố khiến nhà đầu tư đồng loạt chốt lời để tránh diễn biến xấu hơn có thể xảy ra. Tuy nhiên sau đó, chỉ số đã thu hẹp đà giảm về cuối phiên. Các cổ phiếu như VNM, VIC, HPG, CTG thay phiên nhau làm trụ đỡ của thị trường. Tác động tích cực nhất lên chỉ số là VNM, cổ phiếu này bật tăng hơn 3% trong tuần qua. Hầu hết các cổ phiếu nhóm ngân hàng đều giao dịch khá lác quác. Với CTG, TCB, VPB, MBB, VPB, TPB, ACB, NVB, STB đồng loạt tăng điểm đã lan tỏa tín hiệu tích cực lên toàn ngành. Tuy nhiên, VCB và BID thì lại hiện diện sắc đỏ. Nhóm bất động sản cũng diễn biến khá tích cực. Các cổ phiếu nổi bật nhóm này như VIC, NLG, DIG, FLC, KDH, DXG đều tăng điểm tốt. Nổi bật là DIG với mức tăng trần ấn tượng và trong trạng thái trắng bên bán trong phiên cuối tuần. Sự phân hóa xảy ra trong nhóm dầu khí với sắc xanh của một số mã như PVT, PVC, OIL thì một vài mã khác lại giảm điểm tiêu cực như PLX, GAS, PVD, PVB. Cổ phiếu PVS tạm dừng ở mốc tham chiếu so với tuần trước.

Nhà đầu tư nước ngoài: Bán ròng gần 1,805 tỷ đồng trên cả hai sàn. Khối ngoại bán ròng hơn 1,725 tỷ đồng trên sàn HOSE và bán ròng hơn 80 tỷ đồng trên sàn HNX.

Cập nhật hàng giá cả thị trường hàng hóa 02/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.28	-1.14%	-4.90%	-11.10%	-23.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.46	-1.15%	-4.60%	-9.80%	-29.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	114.03	-1.05%	-4.20%	-5.10%	-19.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1896.63	-0.49%	1.90%	-2.40%	27.28%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.70	-0.38%	3.60%	-13.60%	36.22%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1017.75	-0.56%	1.50%	6.60%	5.91%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.50	-1.18%	3.50%	-0.10%	6.98%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.08	0.35%	6.40%	9.90%	16.20%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	175.28	-0.05%	-1.00%	-4.60%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.58	0.52%	1.60%	2.30%	-1.59%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.05	-3.52%	-3.70%	-17.00%	-5.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6387.00	-4.27%	-2.10%	-4.50%	12.80%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	523.19	1.31%	0.90%	-4.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1739.50	-1.44%	0.00%	-4.20%	1.25%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.62	3.17%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	63.25	0.56%	1.40%	14.60%	-18.75%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 3.2% xuống 40.93 USD/thùng, trong phiên có lúc xuống chỉ 39.92 USD/thùng. Dầu thô WTI giảm 1.5 USD (3.7%) xuống 38.72 USD/thùng, trước đó có thời điểm giảm hơn 6% xuống 37.61 USD.
- Điểm nóng nhất của dịch bệnh lúc này là Châu Âu, theo đó Madrid sẽ ngừng mọi hoạt động trong những ngày tới; Moscow cũng đã lệnh cho những người sở hữu lao động phải cho ít nhất 30% người lao động làm việc ở nhà; trong khi một số quốc gia Châu Âu khác vẫn liên tiếp báo số ca nhiễm mới gia tăng.
- Nguồn cung từ OPEC tăng càng gây áp lực lên thị trường. Sản lượng dầu của khối này tháng 9 vừa qua tăng 160,000 thùng/ngày so với tháng 7, theo kết quả thăm dò của Reuters. Trong đó, sản lượng của Libya tăng lên 270,000 thùng/ngày; của Saudi Arabia tăng 500,000 thùng/ngày và của Nga cũng tăng. Các thành viên OPEC đã xuất khẩu 18.2 triệu thùng dầu/ngày trong tháng 9, tăng so với 17.53 triệu thùng của tháng 8.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.2% lên 1,907.46 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 1.1% lên 1,916.3
- USD/ounce. Các nhà đầu tư đang theo dõi những cuộc đàm phán giữa Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi và Bộ trưởng Tài chính Steven Mnuchin về gói cứu trợ đã được chờ đợi từ lâu.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 1.5 JPY (0.8%) lên 185.5 JPY/kg. Xu hướng kinh doanh tại Nhật giai đoạn tháng 7-9/2020 đã cải thiện từ mức thấp nhất 11 năm của quý trước đó, theo kết quả thăm dò của Ngân hàng trung ương Nhật Bản.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 3.9 US cent (3.5%) xuống 1.075 USD/lb, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 7. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 17 USD (1.3%) xuống 1,288 USD/tấn. Rabobank dự báo niên vụ 2020/21, thị trường cà phê toàn cầu sẽ dư thừa 7 triệu bao cà phê; đồng thời cho rằng, trong ngắn hạn, giá dự báo sẽ còn biến động, còn về dài hạn giá sẽ giảm.
- Đối với loại 5% tằm, gạo Ấn Độ tuần này ở mức 376 – 382 USD/tấn, Thái Lan 472–477 USD/tấn và Việt Nam 460-480 USD/tấn, so với lần lượt 379 – 385 USD/tấn, 475-495 USD/tấn và 470-475 USD/tấn cách đây một tuần.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	104.0	-1.0%	1.2	2,047	6.0	8,348	12.5	3.3	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	61.0	-1.1%	1.3	597	2.7	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	48.5	-0.7%	1.4	1,565	1.4	1,625	29.9	1.8	28.2%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.6	-0.7%	0.3	288	0.1	2,651	11.2	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	94.0	1.6%	0.8	13,824	1.6	2,336	40.2	3.8	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.3	-1.4%	1.1	2,697	3.0	1,057	25.8	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	75.9	-1.6%	1.3	10,855	5.7	6,686	11.4	3.7	22.1%	36.5%
DXG	Bất động sản	10.3	-0.5%	1.4	232	1.6	658	15.7	0.8	34.6%	2.9%
SSI	Chứng khoán	17.8	-0.3%	1.3	464	8.4	1,718	10.3	1.1	49.6%	10.7%
VCI	Chứng khoán	31.5	2.3%	1.0	227	1.6	4,110	7.7	1.4	28.7%	18.7%
HCM	Chứng khoán	21.8	-1.6%	1.7	289	4.3	1,608	13.6	1.5	49.4%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.3	-1.0%	0.8	1,714	4.3	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.6	-0.4%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.9	-0.7%	1.4	5,983	1.9	5,169	13.9	2.6	3.2%	20.5%
PLX	Dầu khí	50.6	-0.4%	1.5	2,681	0.5	867	58.3	3.1	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.6	-2.2%	1.5	283	6.5	1,339	10.2	0.5	10.0%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.0	-4.1%	0.8	944	1.6	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.9	0.0%	0.5	602	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.3	-3.1%	0.4	294	4.5	1,700	10.1	0.8	12.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	11.7	-0.4%	0.5	269	2.7	709	16.5	1.0	2.1%	5.8%
VCB	Ngân hàng	84.0	-0.9%	1.1	13,545	3.3	4,915	17.1	3.5	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.7	-0.7%	1.3	7,108	3.1	2,132	19.1	2.1	17.5%	12.3%
CTG	Ngân hàng	27.0	1.3%	1.2	4,363	15.6	2,995	9.0	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.7	-1.9%	1.2	2,507	8.1	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	19.9	0.0%	1.0	2,081	9.4	3,497	5.7	1.1	23.0%	20.7%

ACB	Ngân hàng	23.0	2.2%	1.0	2,162	23.5	2,884	8.0	1.6	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	61.8	-0.6%	0.9	220	0.4	5,781	10.7	2.1	82.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.5	-0.3%	0.4	172	0.1	3,348	10.0	1.6	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	15.8	0.0%	0.3	680	0.1	356	44.4	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	26.7	-1.1%	1.2	3,846	23.5	2,632	10.1	1.7	34.2%	18.1%	
HSG	Thép	15.5	-2.2%	1.5	298	14.2	1,767	8.7	1.1	10.3%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	108.0	-1.2%	0.8	9,812	13.5	4,615	23.4	7.5	58.4%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	184.5	0.0%	0.8	5,144	0.4	6,328	29.2	6.4	63.1%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.1	-1.5%	1.0	2,763	3.5	3,255	16.6	2.7	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	16.2	2.5%	0.8	413	3.6	561	28.9	1.3	5.5%	5.1%	
ACV	Vận tải	65.8	-1.6%	0.8	6,228	1.2	3,450	19.1	3.9	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.9	-0.6%	1.1	2,389	1.8	3,480	30.1	3.7	17.6%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.9	-1.6%	1.7	1,656	1.1	(3,871)	N/A	N/A	3.3	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	24.2	0.4%	0.9	312	0.9	1,381	17.5	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	14.1	3.7%	1.2	173	3.0	2,076	6.8	0.9	19.9%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.6	0.8%	1.0	510	2.3	8,104	9.3	3.6	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.8	448	0.4	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	1.6%	1.0	271	1.6	1,937	8.4	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	68.7	-0.4%	1.1	228	2.3	8,453	8.1	0.6	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.9	3.6%	0.3	196	3.6	1,562	12.1	0.9	34.8%	7.6%	
REE	Điện	40.2	-3.9%	-1.4	541	1.4	4,780	8.4	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.0	3.3%	-0.4	152	0.8	2,176	10.1	0.9	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.6	2.9%	0.6	1,079	8.4	933	11.4	0.9	10.6%	8.1%	
NT2	Điện	23.2	-0.4%	0.6	290	0.2	2,685	8.6	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.1	-1.4%	0.8	288	2.5	1,156	12.2	0.7	18.7%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.4	0%	1.0	1,818	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG:

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VNINDEX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	94	1.62	1.42	400,770
CTG	26.95	1.32	0.37	13.24MLN
POW	10.6	2.91	0.2	18.22MLN
LGC	58.5	4.28	0.13	420
DIG	17.25	6.81	0.1	4.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX -index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23	2.22	1.06	23.51MLN
NVB	9.3	5.68	0.2	3.02MLN
PGS	15.9	5.3	0.03	366,900
HUT	2.7	3.85	0.03	5.61MLN
TAR	22.7	4.61	0.02	2.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VNINDEX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	75.9	-1.56	-1.14	1.73MLN
VCB	84	-0.94	-0.84	890,840
VNM	108	-1.19	-0.64	2.86MLN
BID	40.65	-0.73	-0.34	1.76MLN
VPB	23.65	-1.87	-0.32	7.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-index

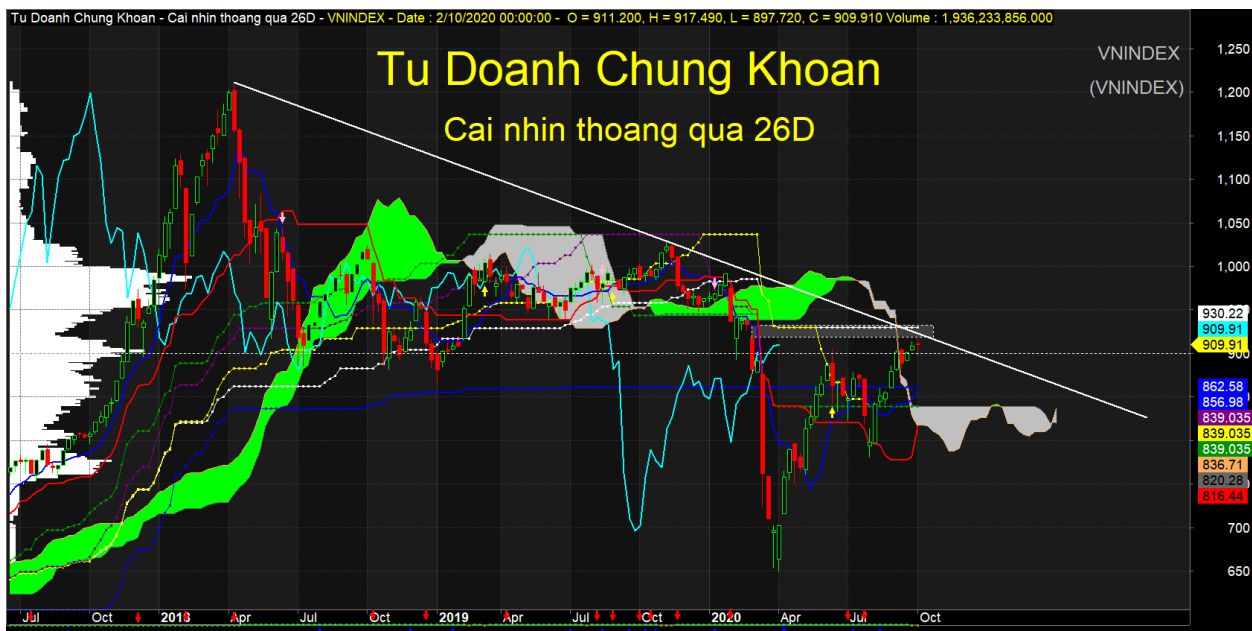
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	13.6	-2.16	-0.07	10.94MLN
SHS	12.7	-0.78	-0.02	5.67MLN
VIF	16.5	-2.94	-0.02	4,500
PMC	55.5	-4.31	-0.01	1,500
TIG	6.9	-2.82	-0.01	2MLN

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT:

Trên đồ thị tháng, VNINDEX vẫn đang tiếp cận vùng 913-915 một cách thận trọng, kháng cự vùng này được coi là khá mạnh. Chỉ số cần củng cố thêm để có thể bứt phá khu vực này.



Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tuần là 1 cây nến doji với bóng nến dài thể hiện sự lưỡng lự trước vùng kháng cự mạnh.



Trên đồ thị ngắn hạn, VNINDEX sau khi vượt đỉnh đang tạm thời sideway để củng cố xu hướng và tiếp diễn trạng thái tăng. Trạng thái tăng điểm sẽ kết thúc khi vùng 880 bị xuyên thủng.



DỰ BÁO TUẦN 05/10 – 09/10:

Dịch bệnh vẫn là chủ đề chính, bệnh dịch vẫn chưa ngừng tăng lên và không thể dự đoán hồi kết. Những con số thống kê thể hiện sự khủng khiếp của nó, Ấn Độ hiện là nước có con số ca nhiễm đứng đầu toàn cầu. Điểm tích cực là những vaccin mới đang được dần tìm kiếm sự hy vọng như Nga, Mỹ, gần đây nhất là Trung Quốc. Điểm chú ý là mới đây Tổng thống Mỹ đã tuyên bố ông đã dương tính với Cov19, nghi ngại trước thềm bầu cử tổng thống sắp tới. Các gói cứu trợ kích thích kinh tế mới đang được triển khai. Tình hình sản xuất kinh doanh đang dần được mở cửa trở lại để phục hồi nền kinh tế.

Trong nước tình hình dịch bệnh tạm thời được kiểm soát, các chính sách giảm lãi suất tiếp tục được áp dụng để kích thích đưa tiền rẻ vào nền kinh tế, kích thích hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Tuần tới sẽ là thời gian mong đợi phản ánh của những doanh nghiệp có báo cáo quý 3/2020 tốt hơn mặt bằng chung.

Dự báo tuần tới thị trường sẽ tiếp tục biến động phân hóa mạnh, dòng tiền chuyển hướng tập trung số ít doanh nghiệp báo cáo quý 3 tốt và dòng midcap, penny.

BỘ LỘC CỔ PHIẾU TUẦN QUA:

STT	CK	Thời gian	GIÁ(CLOSE)	KHỐI LƯỢNG
1	AMD	28/9	2.63	3,893,570
2	ANV	1/10	19.5	289,470
3	BFC	28/9	17.2	1,286,860
4	CII	2/10	18.9	4,485,330
5	CRE	30/9	22.45	1,499,800
6	VPG	2/10	12.7	1,037,990

7	DPM	28/9	17.6	6,452,610
8	DXP	29/9	12.5	3,229,900
9	HAP	2/10	6.1	1,898,380
10	HCM	1/10	22.15	5,563,550
11	HVN	1/10	22.15	1,559,450
12	LDG	1/10	7.1	4,498,870
13	NDN	29/9	17.4	1,781,200
14	QCG	2/10	6.38	923,850
15	QNS	2/10	34.3	968,500
16	TAR	2/10	22.7	2,089,500
17	TCM	30/9	23.25	1,859,590
18	TDH	1/10	8.11	2,637,440
19	TPB	1/10	24.7	4,408,980
20	VCS	30/9	73.2	1,420,100
21	VGI	1/10	28.8	1,077,400

Chú ý: Dòng tiền chủ yếu tập trung vào dòng midcap, penny

Hành động:

- Nhà đầu tư ngắn hạn: Có thể cơ cấu danh mục khi thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn (*chi tiết xin liên hệ 024 3573 0200 - máy lẻ 808*)
- Nhà đầu tư trung hạn: Tăng tỷ trọng giải ngân vào những mã ngành có chỉ số cơ bản tốt, tăng trưởng bền vững theo thời gian như công nghệ, xây dựng cơ bản, vật phụ liệu đi kèm

Báo cáo này được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia phân tích của công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC, bài viết chỉ có giá trị tham khảo, APEC không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc sử dụng tài liệu này



Phát hành bởi: Phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Xuân Đức

Hội sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Tel: (84-24) 35730200 ext: 808

Fax: (84-24) 35771966

Email: ducnx@apcc.com.vn; Website: <http://www.apcc.com.vn>